

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
1	28204503841	Lê Thị Thảo	Ái	6/25/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT8	5.7	5.0	Đạt	
2	27205140343	Hoàng Lê Quỳnh	An	9/1/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	30TSC9	8.7	6.3	Đạt	
3	29215053420	Lê Phước	An	4/4/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN4	7.3	7.8	Đạt	
4	27212201867	Lê Thành	An	7/5/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30SSC7	9.3	3.5	Không Đạt	
5	28206201905	Cao Nữ Lan	Anh	9/19/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT8	9.7	8.0	Đạt	
6	26205335565	Dương Thị Lan	Anh	11/29/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SBN4	8.0	7.0	Đạt	
7	27205434656	Đặng Nguyễn Phương	Anh	11/21/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN5	7.7	5.0	Đạt	
8	27202141778	Đặng Thị Vân	Anh	12/28/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30TBN15	4.7	6.0	Không Đạt	
9	26205339252	Đỗ Thị Vân	Anh	10/3/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	8.0	8.3	Đạt	
10	27213144121	Lê Đào Quỳnh	Anh	7/16/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30SBN7	8.0	5.0	Đạt	
11	28204600680	Lê Tuyết	Anh	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	7.7	5.0	Đạt	
12	27202242866	Lê Thị Lan	Anh	8/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	30SYC2	5.0	4.1	Không Đạt	
13	27211235512	Ngô Quốc	Anh	11/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC7	5.0	7.5	Đạt	
14	26205339254	Nguyễn Cao Thủy	Anh	7/8/2002	Huế	Nữ	Kinh	31SBN4	8.0	8.3	Đạt	
15	28204937818	Nguyễn Hiền Lan	Anh	8/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	5.7	6.0	Đạt	
16	27212139444	Nguyễn Hoàng	Anh	8/20/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30TSC2	3.3	5.5	Không Đạt	
17	28204604906	Nguyễn Tú	Anh	6/12/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT6	6.7	5.5	Đạt	
18	28207136561	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	7/23/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC5	5.0	5.0	Đạt	
19	29204855550	Nguyễn Trần Văn	Anh	4/25/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	6.7	3.8	Không Đạt	
20	27213102402	Phạm Thảo	Anh	9/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	6.3	8.0	Đạt	
21	28206731865	Tôn Nữ Trâm	Anh	10/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	6.5	Đạt	
22	27211343064	Trần Tuấn	Anh	2/6/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	30CSC5	3.3	5.5	Không Đạt	
23	29206138485	Trần Thị Hồng	Anh	12/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	5.0	5.3	Đạt	
24	27202145195	Trịnh Ngọc Thảo	Anh	5/20/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30TYC2	-	V	Vắng thi	
25	26215436118	Trương Văn Hoàng	Anh	9/26/2002	Huế	Nam	Kinh	31TSC8	2.7	5.3	Không Đạt	
26	28204647709	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/22/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT9	8.0	5.0	Đạt	
27	27211749236	Phạm Ngọc	Ánh	10/9/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	5.7	5.0	Đạt	
28	28205201090	Trần Thị Ngọc	Ánh	2/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT4	7.0	5.0	Đạt	
29	27203327383	La Triệu Thy	Ân	9/19/2003	Bình Phước	Nữ	Kinh	30CYC1	V	V	Vắng thi	
30	28208001038	Lê Thị Bảo	Ân	10/10/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC1	5.3	3.3	Không Đạt	
31	30206545836	Võ Thị Hồng	Ân	7/31/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN3	5.7	5.3	Đạt	
32	27207128881	Bùi Thị Tuyết	Ba	9/26/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	8.7	4.0	Không Đạt	
33	27215442195	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	7/18/2003	Tiền Giang	Nam	Kinh	31TSC7	4.3	3.9	Không Đạt	
34	27211721615	Phạm Duy	Bảo	2/4/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	7.3	6.3	Đạt	
35	27211226957	Trần Hoàng Gia	Bảo	10/15/2003	Huế	Nam	Kinh	31CSC5	7.7	8.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
36	26211736158	Phạm Phú Bão	1/12/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC5	5.3	6.9	Đạt	
37	25215310834	Lê Văn Bằng	5/16/2001	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	8.5	Đạt	
38	26205339258	Võ Nguyễn Yến Biển	11/21/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC8	9.0	10.0	Đạt	
39	27203827204	Nguyễn Thị Như Bình	12/26/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	30TBN14	7.0	5.0	Đạt	
40	28206601689	Phan Thị Thanh Bình	10/11/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT9	8.0	5.5	Đạt	
41	29219424985	Trần Thanh Bình	5/13/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC4	8.0	10.0	Đạt	
42	28207351485	H Nĩa Byă	4/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31TSC7	5.0	6.3	Đạt	
43	27205442386	Nguyễn Ngọc Thanh Cắm	5/7/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CYC4	7.0	5.8	Đạt	
44	29204642921	Nguyễn Âu Cơ	11/19/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC6	7.0	5.0	Đạt	
45	28214506865	Khuất Quang Cường	11/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC7	7.3	6.8	Đạt	
46	28204403220	Hồ Quỳnh Minh Châu	10/23/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.7	9.0	Đạt	
47	27217544891	Lê Ngọc Tân Châu	9/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	3.3	6.5	Không Đạt	
48	28207144825	Trần Nguyễn Bảo Châu	12/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC5	6.0	5.0	Đạt	
49	26205442763	Trần Thị Bảo Châu	9/27/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC8	6.3	9.0	Đạt	
50	26205342429	Huỳnh Thị Linh Chi	7/3/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC8	10.0	9.6	Đạt	
51	28208322993	Lê Thị Kim Chi	9/19/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN3	7.3	5.3	Đạt	
52	27202101890	Lê Vương Diệu Chi	10/15/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TSC1	8.3	5.0	Đạt	
53	28206506723	Trần Thị Quỳnh Chi	11/29/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TSC8	7.7	5.0	Đạt	
54	28214306962	Vũ Đình Chinh	5/19/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN9	8.3	9.0	Đạt	
55	27213239579	Lê Thanh Chung	1/3/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	9.0	9.5	Đạt	
56	28204843858	Tạ Đình Hồng Chuyên	8/7/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	9.3	5.5	Đạt	
57	27215201940	Phạm Thế Chương	10/27/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC4	8.7	9.8	Đạt	
58	29203450296	Nguyễn Thị Thành Danh	7/7/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	5.7	3.6	Không Đạt	
59	27214326931	Phan Quốc Danh	11/25/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	30SBN4	7.3	5.0	Đạt	
60	27215402181	Lê Bá Quốc Dĩ	7/4/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT8	9.0	6.0	Đạt	
61	26203318409	Nguyễn Thị Phương Diễm	12/29/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	3.7	4.0	Không Đạt	
62	27205351179	Trịnh Thị Thanh Diễn	10/25/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT5	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
63	29204965650	Hoàng Thị Ngọc Diệp	8/20/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN8	2.7	2.9	Không Đạt	
64	27211344961	Nguyễn Minh Dũ	10/29/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	30CSC9	6.7	3.0	Không Đạt	
65	27203340973	Hà Thị Mỹ Dung	4/19/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN10	10.0	5.0	Đạt	
66	30204764568	Nguyễn Thị Kim Dung	10/28/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.0	6.3	Đạt	
67	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9/5/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT9	3.7	3.3	Không Đạt	
68	29204626061	Nguyễn Thị Phương Dung	9/13/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	V	V	Vắng thi	
69	28206204156	Nguyễn Thùy Dung	1/23/2004	Cà Mau	Nữ	Kinh	31TSC8	5.3	8.0	Đạt	
70	27215351181	Hoàng Đình Dũng	10/12/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
71	27215450203	Trịnh Anh Dũng	11/23/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	9.3	6.0	Đạt	
72	27215351182	Vương Hoàng Dũng	11/6/2003	Quảng Ninh	Nam	Kinh	31THT9	8.0	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
73	27215302066	Nguyễn Cảnh Duy	7/22/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31TYC8	3.7	7.3	Không Đạt	
74	28214300689	Phan Duy	11/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT7	3.7	3.3	Không Đạt	
75	28206503746	Hoàng Thị Mỹ Duyên	4/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30THT7	5.7	5.0	Đạt	
76	27205252641	Huỳnh Ngọc Kỳ Duyên	11/18/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN5	H	H	Hoàn thi	Hoàn thi
77	27212101491	Lê Nguyên Bảo Duyên	8/31/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	4.7	6.0	Không Đạt	
78	27207540496	Lê Thị Mỹ Duyên	9/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CSC6	5.0	5.0	Đạt	
79	29205123416	Lê Thị Mỹ Duyên	6/15/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT4	6.3	3.4	Không Đạt	
80	26205442073	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	5/28/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	7.7	5.3	Đạt	
81	29206245929	Nguyễn Thị Ánh Duyên	4/7/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC5	7.7	6.0	Đạt	
82	28216503565	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/21/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT3	5.0	5.0	Đạt	
83	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	7.0	3.5	Không Đạt	
84	28207149493	Phạm Thị Mỹ Duyên	4/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT7	5.0	1.6	Không Đạt	
85	25207101778	Trịnh Thị Mỹ Duyên	10/24/2001	Bình Định	Nữ	Kinh	28THT11	7.0	6.5	Đạt	
86	29204950766	Trương Thị Lan Duyên	9/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	3.7	4.0	Không Đạt	
87	26203341588	Võ Thị Thanh Duyên	12/24/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	7.7	8.8	Đạt	
88	27218129339	Lê Hà Dương	8/12/2003	Huế	Nam	Kinh	31TBN9	8.3	5.0	Đạt	
89	27213728635	Trần Quý Dương	3/29/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CHT9	6.3	2.0	Không Đạt	
90	28214345014	Phạm Duy Đan	2/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT8	V	V	Vắng thi	
91	28206231623	Đoàn Thị Anh Đào	2/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	4.0	Không Đạt	
92	28204953721	Trần Thị Anh Đào	2/18/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	4.3	5.3	Không Đạt	
93	27215421566	Lê Nguyễn Tấn Đạt	2/7/2003	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31SYC4	9.3	9.0	Đạt	
94	27211334636	Lê Văn Đạt	8/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TYC11	4.0	6.8	Không Đạt	
95	27212243749	Phan Tiến Đạt	10/14/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	30TSC14	6.3	4.3	Không Đạt	
96	27215351394	Mai Hoàng Hải Đặng	4/20/2000	Kon Tum	Nam	Kinh	31SBN5	V	V	Vắng thi	
97	28207101296	Hoàng Hồng Diệp	1/4/2004	Cao Bằng	Nữ	Kinh	31TSC8	8.0	6.0	Đạt	
98	28207100186	Phan Vũ Đình Đinh	2/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	4.7	4.0	Không Đạt	
99	27215402645	Lê Nguyễn Trung Định	7/2/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31SHT4	8.3	6.3	Đạt	
100	29207164969	Đinh Thị Mỹ Đoan	3/31/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	6.0	6.0	Đạt	
101	27202942225	Trương Đoàn Khánh Đoan	7/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC1	V	V	Vắng thi	
102	27212243259	Mai Tấn Đôn	10/18/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC4	4.3	5.0	Không Đạt	
103	27211321595	Đặng Duy Đức	4/26/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC6	3.7	5.3	Không Đạt	
104	27211340367	Lê Huỳnh Đức	1/13/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	9.0	6.3	Đạt	
105	26215332132	Nguyễn Hoài Đức	9/25/2002	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC4	7.7	6.8	Đạt	
106	27218240117	Phạm Đức	12/29/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	7.7	3.8	Không Đạt	
107	26211542695	Đinh Hoàng Giang	9/21/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	V	V	Vắng thi	
108	28204500513	Huỳnh Tiên Giang	2/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	7.0	8.8	Đạt	
109	27203300533	Kiều Thị Giang	11/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC6	6.7	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUỖ			
110	28204954083	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	1/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	7.3	5.0	Đạt	
111	29204856420	Nguyễn Thị Thùy	Giang	11/1/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	4.0	Không Đạt	
112	28204522875	Phan Hương	Giang	11/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	6.3	5.0	Đạt	
113	28206751174	Bùi Thanh	Hà	8/16/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	3.8	Không Đạt	
114	29204640015	Đỗ Thị Hồng	Hà	9/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC4	6.3	4.3	Không Đạt	
115	28204303629	Ngô Thị Thu	Hà	4/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	5.0	Đạt	
116	28207102445	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	8/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC8	4.7	3.4	Không Đạt	
117	26203829860	Phạm Nguyễn Vân	Hà	8/23/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	29SBN3	7.3	5.5	Đạt	
118	28209305849	Võ Thị Thu	Hà	7/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT3	2.3	3.4	Không Đạt	
119	26215334987	Huỳnh Phúc	Hải	8/7/2002	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN9	3.0	5.0	Không Đạt	
120	27211341368	Nguyễn Lương	Hải	10/23/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC5	6.0	3.9	Không Đạt	
121	29214121507	Nguyễn Văn	Hải	12/13/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT5	6.0	1.8	Không Đạt	
122	27205326889	Thái Thị Minh	Hải	12/1/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC8	6.3	5.0	Đạt	
123	28212300212	Trần Văn	Hải	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	5.0	3.1	Không Đạt	
124	28204854214	Đỗ Hồng	Hạnh	4/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	7.0	Đạt	
125	28204101935	Lâm Trần Hồng	Hạnh	12/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	8.0	5.5	Đạt	
126	28208003560	Lê Thị Mỹ	Hạnh	5/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	7.3	Đạt	
127	27215351417	Bùi Đức	Hào	11/17/2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	31SSC4	9.3	8.6	Đạt	
128	27215343699	Nguyễn Quý	Hào	12/5/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	5.3	5.8	Đạt	
129	26207200762	Đặng Thị Thanh	Hằng	9/4/2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC4	6.7	5.1	Đạt	
130	30204456250	Lê Thị Thu	Hằng	7/5/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC4	7.0	5.3	Đạt	
131	27202902637	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	7/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	8.7	5.5	Đạt	
132	27205230323	Trần Thị Thanh	Hằng	4/27/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	9.5	Đạt	
133	28204453988	Trần Thị Thanh	Hằng	12/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	8.0	5.8	Đạt	
134	28204504150	Lê Nguyễn Bảo	Hân	5/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC4	8.3	5.5	Đạt	
135	27205342598	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	5/4/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC4	9.0	9.8	Đạt	
136	27202236102	Tôn Khánh	Hân	10/4/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TSC7	7.3	3.3	Không Đạt	
137	29207362946	Trần Bảo	Hân	2/15/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	6.0	5.3	Đạt	
138	28204603822	Đỗ Thị Thu	Hậu	5/1/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30THT15	5.3	5.5	Đạt	
139	26211241691	Hồ Huy	Hậu	6/9/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	8.0	8.5	Đạt	
140	27212154241	Kiều Văn	Hậu	10/20/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30TBN3	3.0	5.0	Không Đạt	
141	27215344607	Hồ Thị Thảo	Hiền	10/11/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	6.0	Đạt	
142	28204601424	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	10/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.7	5.0	Đạt	
143	29206739155	Phạm Thị Thu	Hiền	3/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	4.0	Không Đạt	
144	28206501604	Trần Thị	Hiền	11/11/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC4	7.0	3.0	Không Đạt	
145	29206540512	Trần Thị Thu	Hiền	8/18/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SSC4	5.0	4.0	Không Đạt	
146	26205339272	Võ Nguyễn Thu	Hiền	5/9/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC4	9.7	8.9	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
147	27215351495	Nguyễn Đình Hiển	8/7/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	31CBN5	V	V	Vắng thi	
148	26215300830	Nguyễn Quang Minh Hiển	8/18/2002	Huế	Nam	Kinh	31CSC4	8.0	9.3	Đạt	
149	25218607284	Lê Đức Hiệp	12/14/2001	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC2	5.0	2.3	Không Đạt	
150	27215351496	Trần Thông Hiệp	2/2/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TSC8	8.0	5.5	Đạt	
151	27211734039	Lê Trung Hiếu	7/2/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CYC5	3.7	5.0	Không Đạt	
152	26215342255	Ngô Văn Hiếu	4/14/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	7.7	4.0	Không Đạt	
153	29217145723	Nguyễn Trung Hiếu	9/13/2005	Phú Yên	Nam	Kinh	31CHT4	6.3	6.8	Đạt	
154	27215351498	Trần Anh Hiếu	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	31CYC4	V	V	Vắng thi	
155	28207150474	Trần Kiều Ngọc Hiếu	12/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	9.3	7.8	Đạt	
156	28204351025	Trần Phạm Diễm Hiếu	1/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	8.3	7.0	Đạt	
157	27205302625	Cù Vĩnh Hoa	3/31/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	7.7	8.0	Đạt	
158	28204406625	Huỳnh Thị Lệ Hoa	1/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	5.7	8.3	Đạt	
159	28204138193	Lê Thị Huyền Hoa	2/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	7.3	8.3	Đạt	
160	27215336568	Phan Xuân Hoa	6/11/2003	Đồng Nai	Nữ	Kinh	31CYC3	8.3	6.0	Đạt	
161	29207340144	Nguyễn Hải Hoài	8/2/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	4.3	Không Đạt	
162	26215433380	Trần Khải Hoàn	12/1/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	8.0	5.4	Đạt	
163	27215201979	Nguyễn Huy Hoàng	10/11/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT10	4.3	5.8	Không Đạt	
164	28217102547	Phạm Tấn Hoàng	4/26/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC5	5.0	5.3	Đạt	
165	27212180006	Tạ Huy Hoàng	5/21/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	29TSC4	5.7	8.5	Đạt	
166	24217208058	Trần Hiếu Nhật Hoàng	4/15/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CBN9	5.3	5.5	Đạt	
167	27214326866	Trần Huy Hoàng	1/26/2003	Huế	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	9.0	Đạt	
168	29206520018	Đỗ Thị Hương Hoanh	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	7.3	3.3	Không Đạt	
169	28207100730	Huỳnh Thị Hồng Huế	4/24/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN3	6.3	6.4	Đạt	
170	29206846821	Nguyễn Thị Huệ	4/21/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	5.3	Đạt	
171	28217354762	Nguyễn Sỹ Tuấn Hùng	10/10/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	31CYC4	6.7	10.0	Đạt	
172	27218245446	Bùi Quang Huy	2/18/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31CSC4	5.0	5.3	Đạt	
173	27215338038	Bùi Thanh Gia Huy	8/26/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	8.7	5.5	Đạt	
174	25212108485	Đặng Quốc Huy	9/16/2001	Đà Nẵng	NAM	Kinh	28CSC1	V	V	Vắng thi	
175	28214301272	Huỳnh Đăng Huy	5/19/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT8	9.7	9.0	Đạt	
176	26215339279	Huỳnh Nam Huy	11/7/2002	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC8	8.0	5.8	Đạt	
177	27217140939	Lê Tấn Huy	10/20/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	5.7	9.0	Đạt	
178	28214328738	Lê Viết Minh Huy	7/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT8	7.3	7.5	Đạt	
179	28214500514	Mai Quốc Huy	3/19/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	6.3	5.3	Đạt	
180	27218736189	Nguyễn Hoàng Huy	5/8/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31TBN1	8.3	6.8	Đạt	
181	27218202142	Nguyễn Phạm Minh Huy	11/7/2002	Gia Lai	Nam	Kinh	31SBN4	6.3	8.0	Đạt	
182	27215327193	Nguyễn Vũ Lê Huy	12/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	V	V	Vắng thi	
183	2211612469	Thân Ngọc Huy	11/12/1997	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC7	2.3	3.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
184	26215339281	Vũ Quang Huy	8/28/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31CSC5	9.0	9.5	Đạt	
185	28204600226	Bùi Thị Thanh Huyền	10/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC7	V	V	Vắng thi	
186	27205351705	Chế Thị Bích Huyền	11/7/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT4	9.7	7.3	Đạt	
187	30208127573	Đinh Phạm Khánh Huyền	1/26/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	5.3	6.1	Đạt	
188	29202737178	Hà Đoàn Ngọc Huyền	6/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.7	5.5	Đạt	
189	27215345031	Hoàng Như Huyền	4/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC4	8.3	9.5	Đạt	
190	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC1	7.7	4.1	Không Đạt	
191	29206700064	Nguyễn Thị Thương Huyền	1/18/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	7.5	Đạt	
192	28206254850	Trần Thị Khánh Huyền	8/7/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	30TSC13	8.0	3.4	Không Đạt	
193	27212929889	Đặng Văn Hưng	1/15/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT5	7.3	8.3	Đạt	
194	28216548112	Lê Cao Anh Hưng	7/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT1	6.7	5.0	Đạt	
195	27215402433	Nguyễn Phước Thái Hưng	1/30/2003	Huế	Nam	Kinh	31CYC4	4.7	7.3	Không Đạt	
196	27215302867	Nguyễn Việt Hưng	12/25/2003	Sơn La	Nam	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
197	28211150005	Trần Khánh Hưng	6/7/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT5	8.3	7.5	Đạt	
198	27215402074	Trịnh Quốc Hưng	9/6/2000	Huế	Nam	Kinh	31CBN5	7.3	8.0	Đạt	
199	29207339654	Hồ Thị Lan Hương	8/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	7.7	5.0	Đạt	
200	26205339283	Lê Thị Mỹ Hương	4/17/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	8.0	5.9	Đạt	
201	28204953963	Ngô Diệu Hương	5/10/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	5.3	5.5	Đạt	
202	28204853633	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	6/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	7.7	5.8	Đạt	
203	28206545883	Nguyễn Thị Mai Hương	5/22/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC5	9.7	5.8	Đạt	
204	28206500215	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT3	3.3	5.3	Không Đạt	
205	28209500591	Nguyễn Thị Xuân Hương	5/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	5.3	3.5	Không Đạt	
206	26205339286	Trần Thị Thùy Hương	10/1/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	9.0	Đạt	
207	27218243140	Thái Văn Hy	5/6/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.0	7.5	Đạt	
208	27218528870	Lê Trung Kiên	7/13/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN2	5.3	5.3	Đạt	
209	29214359374	Mai Văn Kiệt	8/6/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	9.0	6.8	Đạt	
210	27212137517	Võ Tuấn Kiệt	8/18/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30TBN2	3.0	5.0	Không Đạt	
211	29206747906	Đỗ Thị Hương Kiều	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	6.7	7.0	Đạt	
212	29206640894	Trần Thị Thanh Kiều	7/9/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC4	8.3	6.3	Đạt	
213	28207242241	Lương Thị Tuyết Kim	11/14/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	8.3	9.0	Đạt	
214	27212135962	Dương Đức Kỳ	11/7/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
215	28214300904	Trương Hiếu Kỳ	8/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC7	5.3	4.0	Không Đạt	
216	27211502026	Nguyễn Triết Khang	11/22/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	9.3	4.3	Không Đạt	
217	27215450347	Vô Duy Khang	3/21/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31SSC4	5.0	5.0	Đạt	
218	27215434375	Huỳnh Tuấn Khanh	9/5/2003	Cần Thơ	Nam	Kinh	31THT8	9.7	7.8	Đạt	
219	27205431007	Nguyễn Diệp Bảo Khanh	12/17/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC7	8.3	6.8	Đạt	
220	27205434809	Nguyễn Mai Khanh	9/30/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CYC4	7.0	5.1	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUỖ			
221	27205427392	Võ Ngọc Châu	Khanh	8/3/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
222	25211608085	Lê Hữu	Khánh	3/9/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31SBN5	6.3	5.0	Đạt	
223	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	10/4/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN8	5.7	5.0	Đạt	
224	28205001897	Phạm Việt An	Khánh	3/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN9	4.3	5.0	Không Đạt	
225	27218240949	Phan Việt	Khánh	2/15/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN3	6.0	5.0	Đạt	
226	27211329762	Lê Huy	Khiêm	8/10/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	5.0	5.8	Đạt	
227	26215334851	Hồ Vinh	Khoa	3/4/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC5	8.7	8.3	Đạt	
228	26215339291	Lê Nguyễn Minh	Khoa	4/20/2002	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31CSC4	9.0	8.8	Đạt	
229	27212237511	Võ Thành	Khoa	9/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT5	7.0	4.3	Không Đạt	
230	25215312270	Trần Cao Anh	Khôi	11/14/2001	Huế	Nam	Kinh	31THT8	9.0	9.3	Đạt	
231	27211339884	Võ Huỳnh Tiêu	Khôi	1/21/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC6	6.0	6.0	Đạt	
232	27215345892	Phan Văn	Khởi	5/24/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	7.0	9.0	Đạt	
233	28207146176	Nguyễn Nhật Thanh	Lam	8/8/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CBN3	5.7	4.0	Không Đạt	
234	29206565322	Lê Thị	Lan	1/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	0.0	0.0	Không Đạt	NỘ CB (HUY: 5.0; 5.3)
235	27205450349	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	6/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT10	3.3	5.8	Không Đạt	
236	28209327165	Nguyễn Thị	Lãnh	11/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	7.0	Đạt	
237	27214737716	Nguyễn Văn	Lãnh	5/14/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC3	8.0	5.0	Đạt	
238	27218238448	Phạm Thanh	Lãnh	4/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	2.7	5.3	Không Đạt	
239	29205261970	Võ Thị Hồng	Lãnh	4/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN9	10.0	7.5	Đạt	
240	27205330212	Đặng Tuyết	Lâm	10/31/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC4	8.3	6.0	Đạt	
241	28214600843	Huỳnh Văn	Lâm	12/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	6.7	2.0	Không Đạt	
242	27202430941	Lê Ngọc Trúc	Lâm	12/5/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30TYC9	5.3	5.3	Đạt	
243	26215339295	Lê Nguyễn Hà	Lâm	5/5/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT9	10.0	8.3	Đạt	
244	30204557389	Đặng Quỳnh	Lê	3/19/2006	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CHT5	V	V	Vắng thi	
245	27205241924	Đỗ Thị Bích	Lệ	3/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	V	V	Vắng thi	
246	28204800716	Trần Mỹ	Lệ	11/29/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT8	9.7	5.8	Đạt	
247	28206503063	Nguyễn Thị	Li	3/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	6.3	Đạt	
248	28204606136	Lê Thị Quỳnh	Liên	9/11/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN9	3.3	3.9	Không Đạt	
249	27208600181	Đỗ Khánh	Linh	9/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30TYC11	7.3	6.0	Đạt	
250	28204743180	Lê Tổng Khánh	Linh	4/5/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT2	5.3	5.0	Đạt	
251	29204359123	Lê Thị Linh	Linh	8/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	7.3	6.0	Đạt	
252	27202202227	Lê Thị Tú	Linh	8/23/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30TBN15	-	ĐC	Đình chỉ	Nhờ người thi hộ (Thi ghép)
253	26205435703	Lưu Tú	Linh	1/8/2002	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC8	3.0	6.8	Không Đạt	
254	28206201614	Nguyễn Châu	Linh	5/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC6	5.0	5.3	Đạt	
255	28206501340	Nguyễn Đặng Ngọc	Linh	9/23/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN9	7.7	5.5	Đạt	
256	29207164489	Nguyễn Thị Khánh	Linh	9/8/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	V	V	Vắng thi	
257	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	3/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.0	4.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
258	28206146838	Nguyễn Thị Thùy Linh	9/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC8	9.0	9.8	Đạt	
259	28204503085	Nguyễn Thị Yến Linh	8/31/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	9.0	5.9	Đạt	
260	29205155663	Phạm Nguyễn Khánh Linh	6/5/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	9.0	5.3	Đạt	
261	27205433978	Phạm Thị Giang Linh	1/7/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31THT8	9.0	6.0	Đạt	
262	29206264826	Phan Thùy Linh	9/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC5	8.0	6.6	Đạt	
263	27213801199	Phan Thùy Linh	9/23/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30TYC11	5.3	5.0	Đạt	
264	27205326828	Trương Khánh Linh	12/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	8.0	Đạt	
265	28204403413	Bùi Thị Kiều Loan	2/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	7.3	5.5	Đạt	
266	28204646622	Phạm Thị Mai Loan	8/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	3.7	2.8	Không Đạt	
267	26215341623	Nguyễn Nho Nhật Long	3/6/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	9.0	6.0	Đạt	
268	26211031383	Trương Thành Long	9/18/2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SBN5	1.3	7.8	Không Đạt	
269	29214539868	Võ Như Long	7/17/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT4	6.3	5.8	Đạt	
270	28214602433	Phạm Thị Như Lợi	7/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	8.7	5.5	Đạt	
271	28206501472	Trần Thị Hiền Lương	11/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	5.7	4.5	Không Đạt	
272	27202140103	Bùi Thị Kim Ly	11/13/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN2	3.0	3.9	Không Đạt	
273	28204544065	Hoàng Thị Ly	5/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	6.0	Đạt	
274	28204349830	Lê Thị Cẩm Ly	11/3/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC3	6.3	5.0	Đạt	
275	29204654545	Lưu Khánh Ly	1/20/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC4	5.3	2.8	Không Đạt	
276	27215245578	Nguyễn Thị Phương Ly	10/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
277	29208150767	Phạm Thị Ly Ly	4/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	8.7	6.9	Đạt	
278	27203145656	Phan Thị Khánh Ly	2/4/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30CHT4	5.0	3.5	Không Đạt	
279	27203334062	Trần Thị Diệu Ly	8/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30SHT7	8.0	5.3	Đạt	
280	27215342754	Trương Hồ Thảo Ly	2/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	4.3	6.8	Không Đạt	
281	28206227190	Mai Thị Kim Lý	1/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT7	6.0	4.3	Không Đạt	
282	27202102806	Huỳnh Thị Ngọc Mai	11/28/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CSC6	6.3	3.1	Không Đạt	
283	28204903606	Lê Xuân Mai	11/16/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	30CYC8	6.7	5.5	Đạt	
284	27205300036	Phan Thị Tuyết Mai	12/26/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC3	7.0	9.5	Đạt	
285	27202242739	Trần Thị Xuân Mai	2/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN4	4.7	5.0	Không Đạt	
286	26214335804	Chu Minh Mẫn	1/24/2002	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SSC4	V	V	Vắng thi	
287	28204401324	Hứa Gia Mẫn	11/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	8.7	7.0	Đạt	
288	29204651630	Lưu Thị Diễm Mi	10/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT10	9.7	10.0	Đạt	
289	27215343759	Đoàn Duy Minh	10/6/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CBN5	8.7	9.0	Đạt	
290	27211342753	Hồ Văn Minh	9/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	9.0	4.5	Không Đạt	
291	27215327683	Lại Thế Nhật Minh	7/16/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31SBN5	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
292	27212821353	Lê Huỳnh Hà Minh	8/29/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TSC2	8.7	5.3	Đạt	
293	27215302871	Nguyễn Tuấn Minh	8/10/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
294	28215002526	Nguyễn Trần Nhựt Minh	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	6.3	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
295	28216935219	Trần Ngọc	Minh	6/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC5	0.0	0.0	Không Đạt	NỖ CB (HUY:6.0; 4.3)
296	25205316490	Trần Thị Nguyệt	Minh	7/7/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	31SSC4	7.7	7.0	Đạt	
297	28204603317	H Uyên	MI	11/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31SHT4	7.3	5.0	Đạt	
298	28206500271	Bùi Huyền	My	11/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT3	V	-	Vắng thi	
299	27205445680	Hồ Lê Hà	My	2/7/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC3	10.0	9.3	Đạt	
300	28205203437	Huỳnh Thị Trà	My	7/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	8.0	Đạt	
301	27215401828	Lê Huyền	My	10/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT4	7.3	5.5	Đạt	
302	29207345475	Lê Thị Trà	My	10/1/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC4	7.7	5.5	Đạt	
303	27203800559	Nguyễn Ái	My	4/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CYC8	7.0	2.5	Không Đạt	
304	26202224645	Nguyễn Thị Thảo	My	6/16/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC3	V	V	Vắng thi	
305	27202101025	Nguyễn Thị Thu	My	2/3/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SBN3	2.7	5.3	Không Đạt	
306	29204659507	Nguyễn Thị Xuân	My	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	8.7	4.0	Không Đạt	
307	28206651255	Phạm Ngọc Hiền	My	4/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT4	9.7	8.3	Đạt	
308	28208101802	Phan Thị Nhã	My	7/8/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	9.7	9.5	Đạt	
309	27203124773	Trần Bùi Trà	My	1/17/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29CBN4	7.3	4.0	Không Đạt	
310	28216551081	Huỳnh Thị Ánh	Mỹ	7/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC8	8.0	5.8	Đạt	
311	28204301857	Lê Thị Lê	Na	12/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	5.0	6.8	Đạt	
312	28206206520	Nguyễn Thái Hà	Na	4/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	9.7	8.0	Đạt	
313	27215332590	Trịnh Lê	Na	9/26/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SBN4	7.7	5.5	Đạt	
314	27211300981	Đoàn Mạnh	Nam	8/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	7.0	3.8	Không Đạt	
315	27218239397	Văn Thanh Hoàng	Nam	9/19/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	7.7	3.6	Không Đạt	
316	28206246767	Thân Thị Tuyết	Ni	2/6/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	30TYC9	8.7	9.8	Đạt	
317	29204333528	Trần Thị Hoàng	Ni	3/21/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC3	6.7	6.0	Đạt	
318	28206553538	Hồ Phương	Nga	12/14/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC4	9.0	8.5	Đạt	
319	28206506449	Huỳnh Thị Thúy	Nga	10/27/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC5	6.0	4.0	Không Đạt	
320	28206354461	Nguyễn Thị Hằng	Nga	12/26/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT5	8.7	6.5	Đạt	
321	29204622607	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	1/2/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT10	7.3	5.5	Đạt	
322	27205435338	Nguyễn Lê Khánh	Ngân	12/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	9.7	7.3	Đạt	
323	27213701424	Nguyễn Phan Thu	Ngân	7/20/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	30CBN10	4.7	5.5	Không Đạt	
324	27205336615	Nguyễn Thị	Ngân	1/20/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CYC3	9.3	6.0	Đạt	
325	28206551553	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC8	V	V	Vắng thi	
326	28204929816	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	1/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN2	5.0	4.0	Không Đạt	
327	28204900448	Nguyễn Thiên	Ngân	10/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	6.3	5.0	Đạt	
328	28204645867	Phan Thị Kim	Ngân	8/3/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	7.0	Đạt	
329	26205339309	Trần Hà	Ngân	1/21/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	8.3	9.5	Đạt	
330	27205352127	Lê Nguyễn Đông	Nghi	5/21/2003	Bảo Lộc	Nữ	Kinh	31CYC5	9.0	9.5	Đạt	
331	27212654025	Nguyễn Hàn Phương	Nghi	8/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CSC3	6.7	3.6	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
332	26208638587	Phan Tịnh Nghi	7/10/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN2	7.7	5.5	Đạt	
333	29214758784	Lê Quốc Nghị	10/19/2005	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN9	9.7	7.0	Đạt	
334	28214349091	Ngô Đại Nghĩa	2/28/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT8	4.7	2.0	Không Đạt	
335	26204732390	Bùi Thị Bích Ngọc	12/3/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	9.7	4.0	Không Đạt	
336	27205202249	Lương Bảo Ngọc	4/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	5.7	6.0	Đạt	
337	29208154532	Mai Thị Ngọc	7/7/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT3	6.3	3.0	Không Đạt	
338	27215432714	Nguyễn Bích Ngọc	3/14/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	9.0	Đạt	
339	27205401064	Nguyễn Lê Ngọc	8/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC4	6.3	7.0	Đạt	
340	28207102440	Nguyễn Thị Bích Ngọc	4/26/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC5	5.0	3.5	Không Đạt	
341	28209350282	Phạm Bảo Ngọc	5/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	V	V	Vắng thi	
342	29202740397	Phạm Thị Bảo Ngọc	12/16/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	7.3	7.3	Đạt	
343	29215044545	Phan Đoàn Ngọc	4/29/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CBN4	8.7	9.3	Đạt	
344	29213540652	Cáp Hải Minh	4/21/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CBN4	7.3	6.5	Đạt	
345	29217238433	Đoàn Vinh	3/24/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN5	8.0	8.8	Đạt	
346	28214604224	Đồng Xuân	8/29/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TYC8	5.7	7.5	Đạt	
347	28204901598	Lê Nguyễn Thảo	10/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	6.0	5.0	Đạt	
348	27216734849	Lê Tây	6/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	8.0	5.0	Đạt	
349	27204330443	Lê Thị Hạnh	3/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC8	7.3	8.3	Đạt	
350	28214103854	Phạm Khải	3/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT4	8.3	5.8	Đạt	
351	26211333607	Thái An	5/2/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TBN14	-	V	Vắng thi	
352	28206500555	Trác Thị Lệ	12/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT10	9.7	9.0	Đạt	
353	27205450460	Trần Thị Gia	12/14/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CBN5	7.7	8.0	Đạt	
354	28204602967	Vũ Thị Thảo	4/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	8.7	4.0	Không Đạt	
355	27215353430	Lê Thành	12/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	8.0	6.4	Đạt	
356	26207231088	Lê Thị Thanh	7/26/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	4.3	8.5	Không Đạt	
357	27205444233	Lê Thị Thanh	10/5/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CYC4	9.7	9.0	Đạt	
358	27202243943	Nguyễn Thị Băng	10/23/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC5	5.0	4.4	Không Đạt	
359	27211236303	Lê Viết Hoàng	3/28/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN9	5.0	5.8	Đạt	
360	26205341670	Nguyễn Đức Hạnh	8/17/2002	Huế	Nữ	Kinh	31SBN4	9.3	10.0	Đạt	
361	30217257774	Trần Thành	1/25/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	8.0	6.3	Đạt	
362	28214402122	Trần Văn	3/16/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN9	5.7	5.3	Đạt	
363	29216565324	Lê Văn	10/3/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN8	7.7	5.5	Đạt	
364	27218227933	Mai Văn	1/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	4.0	6.5	Không Đạt	
365	24213705480	Nguyễn Minh	11/16/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT5	5.0	5.8	Đạt	
366	27204329543	Nguyễn Thùy	9/4/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	8.0	6.5	Đạt	
367	27205337662	Đặng Lê Thảo	9/7/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SSC4	6.7	6.3	Đạt	
368	27205300407	Đặng Ngô Vũ	7/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	8.7	8.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
369	28204950493	Đặng Thảo Nhi	4/1/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	V	V	Vắng thi	
370	29214151089	Đỗ Thị Thúy Nhi	8/4/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN5	7.7	2.5	Không Đạt	
371	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	6/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT9	2.3	2.3	Không Đạt	
372	29209353491	Lê Kim Ngọc Nhi	4/27/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	8.0	9.3	Đạt	
373	28204804855	Lê Thị Yến Nhi	3/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	5.3	2.0	Không Đạt	
374	27204337320	Lê Vũ Khánh Nhi	8/29/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN2	5.3	7.5	Đạt	
375	28206551037	Mai Hoàng Tuyết Nhi	1/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	5.5	Đạt	
376	29206751121	Ngô Nguyễn Yến Nhi	2/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	5.0	Đạt	
377	27205402019	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	10/14/2003	Cần Thơ	Nữ	Kinh	31THT8	8.7	5.0	Đạt	
378	27205439267	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	10/24/2003	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31CHT4	6.7	6.3	Đạt	
379	26205330255	Nguyễn Thị Kim Nhi	6/25/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC8	10.0	9.5	Đạt	
380	29204660650	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	5/11/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	6.3	7.6	Đạt	
381	28204646545	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	3/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT5	8.0	6.8	Đạt	
382	28204706187	Nguyễn Thị Thanh Nhi	12/7/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	6.0	5.8	Đạt	
383	28204853942	Nguyễn Thị Yến Nhi	2/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	4.3	4.3	Không Đạt	
384	28208034926	Nguyễn Thị Yến Nhi	10/30/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN3	8.7	9.5	Đạt	
385	28209538080	Phạm Thị Huyền Nhi	10/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	4.7	5.0	Không Đạt	
386	29204621005	Phạm Trần Yến Nhi	11/2/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	9.0	6.0	Đạt	
387	27205426908	Phan Tuyết Nhi	11/14/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT4	8.7	5.5	Đạt	
388	28206501031	Tạ Thị Yến Nhi	10/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	2.7	5.0	Không Đạt	
389	29206558628	Trần Đặng Yến Nhi	2/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	8.7	5.5	Đạt	
390	29204555431	Trần Thị Phương Nhi	7/1/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	7.7	7.8	Đạt	
391	28209402321	Trần Vũ Hoài Nhi	9/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.3	9.3	Đạt	
392	27205431644	Võ Quỳnh Nhi	11/21/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	7.3	6.3	Đạt	
393	27215335056	Võ Trần Thục Nhi	2/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	7.3	Đạt	
394	27211343860	Phạm Trần Thanh Nhiên	9/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	3.0	7.0	Không Đạt	
395	29207351369	Dương Thị Tuyết Nhung	1/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	5.0	7.0	Đạt	
396	27207538566	Đặng Thị Nhung	3/23/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CSC6	4.0	5.3	Không Đạt	
397	28204706379	Đỗ Hoàng Nhung	4/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	5.7	3.5	Không Đạt	
398	28204644658	Hồ Thị Cẩm Nhung	10/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	5.3	3.0	Không Đạt	
399	29219353494	Lê Kim Ngọc Nhung	4/27/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	8.7	9.3	Đạt	
400	28207100605	Lê Nguyễn Hồng Nhung	7/8/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN3	7.0	3.8	Không Đạt	
401	28204646606	Nguyễn Hồng Nhung	1/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN9	7.7	5.5	Đạt	
402	29209423992	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5/10/2005	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT8	5.0	5.0	Đạt	
403	26205439489	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/15/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	30TYC6	6.7	5.0	Đạt	
404	28206539542	Đặng Thị Quỳnh Như	9/23/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	8.7	6.8	Đạt	
405	28206500258	Đặng Yến Như	9/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC5	4.3	5.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
406	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	8/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	5.7	4.1	Không Đạt	
407	28204131271	Lê Phạm Quỳnh Như	9/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT6	5.3	4.0	Không Đạt	
408	26207135208	Lê Phan Khánh Như	8/26/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	4.3	2.5	Không Đạt	
409	27203328402	Lê Thị Quỳnh Như	11/18/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30THT9	6.7	6.0	Đạt	
410	27202140680	Nguyễn Thị Quỳnh Như	9/28/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30TSC12	8.3	5.0	Đạt	
411	28206501837	Trà Thị Quỳnh Như	10/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	7.3	5.8	Đạt	
412	27205140354	Trần Nữ Quỳnh Như	6/7/2003	Phủ Yên	Nữ	Kinh	31TYC7	4.3	5.3	Không Đạt	
413	27205450495	Trần Thị Như	10/4/2003	Phủ Yên	Nữ	Kinh	31SHT4	8.7	8.3	Đạt	
414	28204351237	Trần Thị Ngọc Như	11/8/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC7	7.3	9.3	Đạt	
415	28208126220	Uông Thị Quỳnh Như	10/13/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC5	7.3	4.3	Không Đạt	
416	28207152926	Võ Quỳnh Như	8/15/2004	Phủ Yên	Nữ	Kinh	31TYC5	5.0	4.3	Không Đạt	
417	27215352222	Trần Tấn Nhựt	10/30/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC5	V	V	Vắng thi	
418	29206757768	Phan Thị Hoàng Oanh	5/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.0	9.0	Đạt	
419	27205300567	Võ Hoàng Oanh	1/26/2003	Bình Phước	Nữ	Kinh	31SYC4	8.7	8.8	Đạt	
420	28210204329	Nguyễn Thanh Pháp	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	9.0	6.3	Đạt	
421	27211321109	Huỳnh Minh Phát	2/24/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC4	8.3	6.5	Đạt	
422	24215316388	Võ Tấn Phát	11/16/2000	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC6	V	V	Vắng thi	
423	29206558768	Nguyễn Thị Phấn	9/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC7	7.3	6.3	Đạt	
424	27213153185	Nguyễn Đình Phi	9/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	6.7	7.3	Đạt	
425	29217357338	Nguyễn Gia Phong	4/27/2005	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SBN4	6.3	5.5	Đạt	
426	30212250325	Huỳnh Ngọc Thiên Phú	9/26/2006	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT8	9.0	5.0	Đạt	
427	29205124750	Lê Thị An Phú	9/16/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	7.8	Đạt	
428	27211303112	Nguyễn Thành Phú	1/9/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC3	3.7	6.5	Không Đạt	
429	26215333896	Phạm Đình Phú	12/27/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	8.3	9.3	Đạt	
430	27215352269	Hoàng Hữu Phúc	1/1/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31SYC4	10.0	9.5	Đạt	
431	28204302369	Lâm Như Phúc	6/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT8	8.3	4.3	Không Đạt	
432	27211736464	Lê Tấn Hoàn Phúc	7/6/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	6.0	5.6	Đạt	
433	27208628159	Lê Xuân Hồng Phúc	5/20/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	V	V	Vắng thi	
434	26215334948	Lương Hoàng Phúc	5/27/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	8.7	8.5	Đạt	
435	27211653290	Lý Trường Phúc	8/30/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	8.0	5.5	Đạt	
436	28214151604	Nguyễn Tấn Phúc	8/19/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	8.0	9.5	Đạt	
437	28208004386	Trần Thị Phúc	9/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT5	10.0	8.5	Đạt	
438	29219324052	Trịnh Gia Phúc	9/14/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT4	8.0	3.8	Không Đạt	
439	29215141835	Trương Nguyễn Hoàng Phúc	3/14/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
440	28214601955	Võ Đình Phúc	8/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	7.3	5.8	Đạt	
441	27211542371	Nguyễn Đình Phước	4/20/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	5.7	8.5	Đạt	
442	27212603091	Đinh Thục Phương	9/12/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC3	4.3	5.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUĐ			
443	26207229150	Hồ Trần Minh	Phương	8/13/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	29THT8	6.3	5.8	Đạt	
444	28204604033	Lê Trúc	Phương	11/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	7.3	5.8	Đạt	
445	27205342186	Mai Lâm	Phương	8/14/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SYC4	8.7	5.3	Đạt	
446	28204633793	Nguyễn Hồng Thùy	Phương	1/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	8.7	5.0	Đạt	
447	29204653982	Nguyễn Thị	Phương	9/20/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TSC6	6.0	3.1	Không Đạt	
448	28207106149	Nguyễn Thị	Phương	11/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC5	3.0	5.0	Không Đạt	
449	28207100376	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	11/17/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC3	5.0	5.5	Đạt	
450	26205333653	Nguyễn Thu	Phương	7/15/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	7.3	9.0	Đạt	
451	27211243990	Phan Song Nhật	Phương	4/8/2003	Huế	Nam	Kinh	30TYC9	6.0	5.0	Đạt	
452	28214304515	Lê Việt	Quang	8/9/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN5	9.0	8.0	Đạt	
453	27211748874	Nguyễn Ngọc	Quang	6/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT10	7.7	5.3	Đạt	
454	25211101706	Phạm Đăng	Quang	12/8/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	30CHT3	4.0	5.0	Không Đạt	
455	27215402118	Phạm Đăng	Quang	9/16/2003	Bình Thuận	Nam	Kinh	31SYC4	10.0	8.8	Đạt	
456	26215336433	Đặng Thế Bảo	Quân	9/5/2002	Huế	Nam	Kinh	31THT9	8.3	5.8	Đạt	
457	28212234589	Hoàng Minh	Quân	6/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN9	6.7	6.0	Đạt	
458	27216100883	Phạm Đoàn Anh	Quân	8/26/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT4	3.7	5.0	Không Đạt	
459	29212354240	Nguyễn Mai Anh	Quốc	10/26/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN4	5.7	5.1	Đạt	
460	28213548970	Nguyễn Oanh	Quốc	6/16/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN5	8.7	8.0	Đạt	
461	27214329264	Phạm Phú	Quốc	5/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT5	6.7	7.3	Đạt	
462	28214306108	Hồ Tá	Quý	6/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN8	7.3	6.3	Đạt	
463	27213102261	Huỳnh Nhật	Quý	7/15/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	5.3	6.3	Đạt	
464	27212842462	Ông Văn	Quý	11/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	2.0	0.3	Không Đạt	
465	25207209274	Trần Thị Hạnh	Quý	11/18/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	8.0	6.5	Đạt	
466	29206548897	Lưu Thị Kiều	Quyên	1/28/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	6.7	5.0	Đạt	
467	27203336438	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	2/17/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31CHT5	5.7	5.3	Đạt	
468	27207228730	Nguyễn Vũ Tịnh	Quyên	7/23/2003	Hội An	Nữ	Kinh	30TBN15	5.0	7.3	Đạt	
469	27205227181	Trần Thảo	Quyên	4/19/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	V	V	Vắng thi	
470	27205342916	Võ Lê Thùy	Quyên	11/21/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	9.3	Đạt	
471	29204361320	Võ Thị Ánh	Quyên	8/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	8.0	Đạt	
472	27203342189	Dương Xuân	Quỳnh	10/29/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	6.7	4.3	Không Đạt	
473	30202858625	Đỗ Nguyên Khiết	Quỳnh	6/21/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN5	5.0	6.0	Đạt	
474	27205437750	Lê Diễm	Quỳnh	9/2/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT4	7.0	7.3	Đạt	
475	29204951058	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3/6/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	9.0	Đạt	
476	28204601522	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	11/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30THT15	5.0	2.8	Không Đạt	
477	28204640133	Phạm Thị Như	Quỳnh	8/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC7	3.0	6.5	Không Đạt	
478	28214905675	Quách Ngọc Như	Quỳnh	2/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN6	5.0	7.0	Đạt	
479	29212254589	Bùi Đông	San	9/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	2.7	2.5	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
480	28212350333	Bùi Đỗ Sang	1/7/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN3	7.3	6.5	Đạt	
481	29212320073	Hà Ngọc Sang	3/25/2005	Bình Định	Nam	Kinh	31SHT5	9.3	7.5	Đạt	
482	28216602207	Lâm Trần Quang Sang	3/2/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT9	7.0	5.0	Đạt	
483	26211534735	Nguyễn Phước Sang	8/31/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	8.0	9.3	Đạt	
484	28214903826	Hà Phước Sơn	4/19/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT4	2.3	2.8	Không Đạt	
485	28214302800	Hoàng Lê Sơn	2/23/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC7	6.0	5.0	Đạt	
486	30212330337	Nguyễn Công Thiên Sơn	5/6/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CBN4	6.0	7.5	Đạt	
487	27202543823	Phan Thị Thu Sương	7/15/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	3.9	Không Đạt	
488	27215330758	Lê Văn Cao Tài	4/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
489	27215445597	Nguyễn Đình Tài	7/21/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	7.0	6.8	Đạt	
490	28216554530	Nguyễn Đức Tài	12/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC4	7.0	9.3	Đạt	
491	28216649995	Nguyễn Tiến Tài	10/8/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT9	7.3	5.8	Đạt	
492	27217140008	Nguyễn Thanh Tài	4/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	5.7	5.0	Đạt	
493	29206532065	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	12/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC3	6.0	5.0	Đạt	
494	28205129941	Nguyễn Thị Thanh Tâm	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	8.0	5.0	Đạt	
495	27211321850	Thái Thiện Tâm	26/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC8	8.0	8.5	Đạt	
496	28204605886	Trần Mạnh Phước Tâm	8/23/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT3	6.0	6.3	Đạt	
497	28214741629	Trần Thiện Tâm	9/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT4	7.0	3.8	Không Đạt	
498	29206547209	Vũ Thị Thanh Tâm	8/23/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	6.7	3.3	Không Đạt	
499	27202223776	Nguyễn Thị Thành Tân	5/21/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TYC3	3.7	4.3	Không Đạt	
500	28214554602	Đỗ Đăng Tấn	7/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC7	7.7	5.5	Đạt	
501	28214302119	Lê Quốc Tấn	5/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	6.7	5.0	Đạt	
502	27208601880	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC1	8.7	4.1	Không Đạt	
503	27205400566	Trần Thị Thủy Tiên	11/5/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	9.5	Đạt	
504	28204653042	Nguyễn Thị Kim Tiên	5/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT8	7.3	8.0	Đạt	
505	27215422798	Đào Việt Tiến	4/7/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CBN5	8.7	7.4	Đạt	
506	27215342200	Đoàn Nguyễn Quốc Tiến	10/28/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN5	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
507	28214353179	Hoàng Minh Tiến	3/31/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC7	9.0	9.0	Đạt	
508	27215352590	Lê Đức Tiến	9/4/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC8	5.7	5.1	Đạt	
509	28212728575	Võ Đăng Tiến	7/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC8	6.0	5.0	Đạt	
510	28214554930	Ngô Quang Tinh	2/4/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	8.0	8.8	Đạt	
511	28214603393	Nguyễn Thanh Tịnh	9/15/2004	Huế	Nam	Kinh	31THT9	5.7	5.0	Đạt	
512	27204324083	Huỳnh Thị Cẩm Tú	4/17/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	9.3	10.0	Đạt	
513	28204621463	Nguyễn Anh Tú	8/22/2004	Đắk Lắk	Nam	Mường	31SSC4	8.0	5.8	Đạt	
514	27217144200	Nguyễn Công Tú	12/24/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC4	8.7	2.9	Không Đạt	
515	28207430780	Nguyễn Thị Minh Tú	1/15/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	9.0	5.4	Đạt	
516	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	4/29/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30THT11	3.0	5.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
517	28207144397	Võ Thị Cẩm Tú	4/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC6	7.7	5.5	Đạt	
518	27217000388	Hoàng Anh Tuấn	2/13/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	30TYC10	8.0	3.0	Không Đạt	
519	27215439556	Lại Minh Tuấn	12/22/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC4	4.0	8.0	Không Đạt	
520	26218642558	Lê Anh Tuấn	8/22/2002	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	30SYC2	5.7	5.5	Đạt	
521	27217733435	Lê Bùi Anh Tuấn	9/16/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC4	8.7	5.8	Đạt	
522	27213138418	Nguyễn Đắc Tuấn	5/8/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT5	6.0	6.8	Đạt	
523	27218138678	Phạm Anh Tuấn	10/9/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	30THT3	3.3	6.8	Không Đạt	
524	27215332064	Nguyễn Quang Tùng	4/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	V	V	Vắng thi	
525	27202138850	Trương Thị Thanh Tuyết	10/13/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	5.3	5.3	Đạt	
526	28218136261	Nguyễn Hữu Hoàng Thạch	8/15/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31TSC7	5.7	9.8	Đạt	
527	26215339331	Phạm Ngọc Thạch	11/1/2002	Vũng Tàu	Nam	Kinh	31TYC8	8.7	9.3	Đạt	
528	30208158114	Phan Lê Cẩm Thạch	5/27/2006	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC7	5.7	5.8	Đạt	
529	27217028683	Phạm Vũ Thái	9/18/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT2	7.0	5.3	Đạt	
530	29206764830	Huỳnh Thị Thanh Thanh	3/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	3.7	6.0	Không Đạt	
531	29207154252	Lê Thị Hoài Thanh	5/11/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN4	4.3	6.0	Không Đạt	
532	27202433120	Lê Thị Thanh Thanh	9/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	V	V	Vắng thi	
533	29204661377	Ngô Huyền Thanh	4/8/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT5	7.7	6.0	Đạt	
534	27212253018	Nguyễn Lê Diệu Thanh	5/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	3.8	Không Đạt	
535	29206551037	Nguyễn Thị Thương Thanh	8/12/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	7.3	6.0	Đạt	
536	28204651737	Trần Thái Thanh	5/11/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT5	5.0	3.3	Không Đạt	
537	27215450533	Lê Đình Thành	5/29/2001	Bà Rịa	Nam	Kinh	31CYC5	4.3	5.0	Không Đạt	
538	27216700892	Lê Văn Thành	8/26/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC8	8.3	6.8	Đạt	
539	28213600690	Nguyễn Việt Thành	8/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC7	V	V	Vắng thi	
540	29205126998	Bùi Thị Thanh Thảo	10/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT3	3.7	3.8	Không Đạt	
541	29207342164	Đinh Thị Phương Thảo	12/16/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN4	3.0	8.3	Không Đạt	
542	27217042354	Đoàn Ngọc Thảo	2/10/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT2	7.3	5.0	Đạt	
543	28204725039	Đoàn Thị Kim Thảo	2/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	8.3	9.5	Đạt	
544	26202428041	Lê Nguyên Thảo	1/15/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	5.7	3.8	Không Đạt	
545	29204145141	Lê Phương Thảo	2/15/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	5.7	1.8	Không Đạt	
546	28204500251	Lê Phương Thảo	7/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	6.3	5.3	Đạt	
547	27205324992	Lê Phương Thảo	3/1/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	5.7	10.0	Đạt	
548	28204554418	Lê Thị Thảo	8/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	9.7	8.1	Đạt	
549	28206554765	Lê Thị Kim Thảo	2/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT3	5.3	3.8	Không Đạt	
550	27212844235	Nguyễn Hữu Ngọc Thảo	5/24/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	7.3	6.3	Đạt	
551	28206104384	Nguyễn Nhiên Thảo	11/29/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	7.7	5.0	Đạt	
552	28206502295	Nguyễn Thanh Thảo	9/20/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31THT10	5.0	4.4	Không Đạt	
553	29206153154	Nguyễn Thị Phương Thảo	3/17/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC4	5.7	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
554	27207201331	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/26/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	30TYC13	8.0	5.0	Đạt	
555	27205331768	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/16/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SSC4	7.3	5.3	Đạt	
556	29207456200	Nguyễn Thị Phương Thảo	7/6/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	8.0	6.3	Đạt	
557	28204601433	Phạm Thị Thu Thảo	6/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	8.3	9.3	Đạt	
558	29206558750	Phan Thị Phương Thảo	1/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	3.7	5.0	Không Đạt	
559	29204659857	Trần Thị Thu Thảo	5/21/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN5	8.0	5.5	Đạt	
560	27207137064	Văn Thị Thanh Thảo	11/8/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30SHT7	7.7	6.8	Đạt	
561	29217456321	Hồ Thanh Thắng	5/3/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CBN4	7.3	5.6	Đạt	
562	27214303182	Nguyễn Quang Thắng	12/18/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT5	V	V	Vắng thi	
563	26215341707	Võ Việt Thắng	6/10/2002	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC4	9.0	10.0	Đạt	
564	27205234591	Chế Trần Thi	8/13/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	V	V	Vắng thi	
565	27205426444	Đinh Phạm Uyên Thi	1/7/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	6.3	Đạt	
566	29214639188	Bùi Xuân Thiên	1/16/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31THT8	7.0	6.5	Đạt	
567	27212201483	Nguyễn Hoàng Thiện	7/20/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	30TSC9	V	V	Vắng thi	
568	27215352341	Võ Ngọc Thiện	11/17/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN8	7.0	3.3	Không Đạt	
569	27212125291	Hồ Thanh Thịnh	6/17/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	V	V	Vắng thi	
570	26215339339	Lê Quang Thịnh	8/17/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC8	7.3	8.8	Đạt	
571	27215431296	Nguyễn Bùi Hòa Thịnh	2/20/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31CYC4	8.3	8.3	Đạt	
572	29218457241	Trịnh Quang Thịnh	12/30/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	7.7	4.1	Không Đạt	
573	27212201494	Lê Phạm Xuân Thông	3/23/2003	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	30TSC10	-	V	Vắng thi	
574	29206265619	Trần Thị Thu Thơ	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	8.7	7.0	Đạt	
575	28204751591	Đào Thị Như Thơm	1/1/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	7.0	5.0	Đạt	
576	27205436618	Lê Thị Hồng Thơm	8/13/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CBN5	9.3	9.0	Đạt	
577	28206602838	Hồ Thị Lệ Thu	4/14/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT10	7.7	6.5	Đạt	
578	28219447238	Lê Huỳnh Thu	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT5	9.0	6.0	Đạt	
579	28214647359	Nguyễn Hữu Thu	12/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT4	4.0	3.5	Không Đạt	
580	29214659855	Lê Thuận	12/26/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN8	5.0	7.0	Đạt	
581	29203564806	Nguyễn Thị Kim Thủy	8/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	4.3	6.5	Không Đạt	
582	28204603713	Đoàn Thị Bích Thủy	3/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	5.0	7.0	Đạt	
583	29206665591	Nguyễn Thị Thủy	1/26/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	2.8	Không Đạt	
584	27212246140	Phạm Thu Thủy	5/15/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CBN2	6.7	3.8	Không Đạt	
585	29204620753	Trần Thị Thu Thủy	10/24/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	7.0	9.0	Đạt	
586	28204902898	Lê Nữ Thiên Thư	8/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CYC8	6.3	5.3	Đạt	
587	28204942764	Lương Xuân Thư	1/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC6	5.0	4.1	Không Đạt	
588	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh Thư	9/2/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	V	V	Vắng thi	
589	26205333239	Nguyễn Thị Anh Thư	5/25/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	9.3	9.4	Đạt	
590	29205121453	Nguyễn Thị Thúy Thư	2/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN3	7.3	4.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUỖ			
591	28204604096	Trần Thị Minh	Thư	5/16/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	8.7	6.0	Đạt	
592	28204652989	Lê Nguyễn Hoài	Thương	4/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	1.7	5.0	Không Đạt	
593	26205339345	Ngô Thị Mến	Thương	5/8/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	8.5	Đạt	
594	29209424057	Nguyễn Thị Ngân	Thương	11/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	3.3	5.0	Không Đạt	
595	26207130806	Trần Thị	Thương	11/25/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30CSC5	6.3	5.0	Đạt	
596	28204123002	Vân Thị Hoài	Thương	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC8	5.0	6.5	Đạt	
597	28216234199	Nguyễn Thị Anh	Thy	11/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	4.7	5.8	Không Đạt	
598	29203465704	Tạ Hiền	Thy	10/28/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CBN4	8.0	6.3	Đạt	
599	28206503528	Bùi Thị Thu	Trà	8/15/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SYC4	9.0	9.3	Đạt	
600	28218003900	Đoàn Thanh	Trà	9/8/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC1	8.0	5.0	Đạt	
601	28204105157	Nguyễn Thị Thanh	Trà	10/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	9.5	Đạt	
602	29204965812	Nguyễn Thị Thanh	Trà	9/24/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	6.5	Đạt	
603	28204603616	Dương Thị Huyền	Trang	1/30/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	3.3	4.0	Không Đạt	
604	29208120932	Đoàn Thị Huyền	Trang	9/5/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC4	10.0	7.3	Đạt	
605	28206200590	Lương Huyền	Trang	10/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC5	6.3	2.9	Không Đạt	
606	29206845415	Nguyễn Thị	Trang	10/7/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	0.0	0.0	Không Đạt	NỖ CB (HỦY: 6.7; 4.3)
607	28206101518	Nguyễn Thị Huyền	Trang	9/2/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SHT5	6.0	5.0	Đạt	
608	28207206212	Nguyễn Thị Phương	Trang	5/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC3	8.0	7.0	Đạt	
609	26205442064	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3/8/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	7.0	Đạt	
610	29204361156	Phạm Thị Mỹ	Trang	9/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	9.7	8.3	Đạt	
611	29202750127	Trần Ngọc Hạnh	Trang	3/7/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	9.7	8.3	Đạt	
612	27205437142	Đinh Ngọc Bảo	Trâm	11/25/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT8	9.0	7.5	Đạt	
613	29206741435	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	8/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	7.7	5.9	Đạt	
614	26206627830	Nguyễn Thị Bích	Trâm	6/4/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC8	2.0	2.0	Không Đạt	
615	26202134488	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	12/1/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	29TSC5	8.3	5.8	Đạt	
616	29206658899	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	3/14/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	8.7	8.0	Đạt	
617	28207103182	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	4/26/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC8	4.7	5.0	Không Đạt	
618	29204623668	Phạm Huyền Bảo	Trâm	9/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	4.7	3.3	Không Đạt	
619	27202239106	Phan Thị Đan	Trâm	5/6/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30TSC9	7.0	6.3	Đạt	
620	27205352606	Phan Thị Ngọc	Trâm	4/21/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SBN5	10.0	8.0	Đạt	
621	27205402194	Trần Thị Ngọc	Trâm	10/22/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT8	8.3	8.8	Đạt	
622	29204627680	Trương Lê Ngọc	Trâm	7/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT4	9.7	8.8	Đạt	
623	27215431654	Lê Nguyễn Quỳnh	Trân	5/14/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	9.3	8.0	Đạt	
624	28209425134	Mai Nguyễn Huyền	Trân	1/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	9.0	Đạt	
625	28206247220	Nguyễn Thị Kiều	Trân	10/2/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT5	9.3	5.5	Đạt	
626	27215331348	Nguyễn Hữu	Tri	10/12/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31SBN5	8.3	8.0	Đạt	
627	27215449744	Hoàng Trọng Thiên	Trí	11/12/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN4	7.7	5.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
628	29212539158	Phạm Việt Trí	9/6/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	6.0	5.0	Đạt	
629	27211329905	Văn Ngọc Nhật Trí	2/19/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	30CBN10	6.3	5.8	Đạt	
630	28214305386	Nguyễn Như Hải Triều	3/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC4	7.3	5.3	Đạt	
631	29206524490	Võ Thị Huỳnh Triều	10/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	5.7	5.5	Đạt	
632	28206502823	Cao Thị Kiều Trinh	2/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31THT1	7.0	5.5	Đạt	
633	27212143479	Đoàn Lê Phương Trinh	6/23/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC2	7.0	5.3	Đạt	
634	27205352616	Nguyễn Lan Trinh	10/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN5	V	V	Vắng thi	
635	29204658504	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	8/2/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31THT10	6.7	7.3	Đạt	
636	26205235285	Nguyễn Thị Hồng Trinh	4/15/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	6.3	Đạt	
637	27202641658	Trương Thị Kiều Trinh	6/30/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30TYC2	6.0	5.3	Đạt	
638	27215338122	Phạm Văn Trinh	9/6/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31SYC4	9.0	9.5	Đạt	
639	27211340550	Phùng Đức Trọng	9/22/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31SBN2	5.3	4.0	Không Đạt	
640	27215345206	Hồ Thanh Trúc	9/15/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	V	V	Vắng thi	
641	26205336291	Nguyễn Thanh Trúc	4/1/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC8	9.7	9.5	Đạt	
642	28204644286	Nguyễn Thị Thanh Trúc	4/1/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	7.5	Đạt	
643	27215436857	Cao Trương Bảo Trung	3/10/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31CYC3	5.0	7.0	Đạt	
644	28214354705	Đặng Thành Trung	10/26/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN5	3.7	3.0	Không Đạt	
645	26215332679	Nguyễn Đức Trung	3/25/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC5	5.3	8.4	Đạt	
646	27212943841	Lê Nguyễn Phi Trường	5/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	V	V	Vắng thi	
647	26215334628	Nguyễn Nhật Trường	4/21/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC8	10.0	9.8	Đạt	
648	27211301915	Nguyễn Văn Trường	1/24/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	4.7	3.8	Không Đạt	
649	28214852959	Phạm Nguyễn Quang Trường	2/29/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	6.7	8.5	Đạt	
650	29206761095	Cao Hải Uyên	1/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	8.5	Đạt	
651	28204606490	Nguyễn Hoàng Thảo Uyên	3/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN6	5.3	5.0	Đạt	
652	29206765754	Phạm Nguyễn Phương Uyên	3/31/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	9.5	Đạt	
653	29206757900	Trần Khánh Uyên	10/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.3	6.5	Đạt	
654	27205449765	Võ Huỳnh Thảo Uyên	7/8/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	8.3	6.3	Đạt	
655	28206549248	Lê Thị Vi Va	10/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	9.7	5.3	Đạt	
656	26205436390	Đỗ Thị Bích Vân	1/6/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC8	9.0	9.0	Đạt	
657	29208120475	Lê Thị Thúy Vân	8/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	7.8	Đạt	
658	29206565555	Nguyễn Phạm Thùy Vi	1/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	7.0	5.3	Đạt	
659	28204854947	Nguyễn Thị Tường Vi	6/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	10.0	4.3	Không Đạt	
660	27202543463	Nguyễn Thị Thảo Vi	5/22/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CSC9	9.7	5.8	Đạt	
661	29206563297	Nguyễn Thị Thảo Vi	5/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC2	7.0	2.5	Không Đạt	
662	27205343035	Phạm Trần Nhật Vi	11/23/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	9.0	8.3	Đạt	
663	27207138543	Trần Hoàng Ái Vi	4/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC8	6.3	5.0	Đạt	
664	25215307124	Đỗ Phú Quốc Việt	1/22/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	V	V	Vắng thi	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
665	27203932822	Hồ Thị Mỹ Việt	8/1/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	30CYC1	4.3	3.9	Không Đạt	
666	28219305999	Nguyễn Quốc Việt	10/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	5.3	5.3	Đạt	
667	28216501584	Hồ Hoàng Vũ	2/6/2004	Phủ Yên	Nam	Kinh	31TBN9	9.7	8.5	Đạt	
668	27215335333	Lê Quang Vũ	10/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	9.0	9.3	Đạt	
669	27214730270	Nguyễn Vũ	2/2/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	7.3	6.8	Đạt	
670	29216120372	Nguyễn Lê Anh Vũ	7/9/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT4	9.3	7.5	Đạt	
671	27215330980	Nguyễn Thanh Vũ	12/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	9.3	8.3	Đạt	
672	27212232345	Hồ Võ Lệ Vương	8/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	7.0	Đạt	
673	27215400291	Huỳnh Quốc Vương	12/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	7.0	8.5	Đạt	
674	29206521415	Cao Thị Loan Vy	5/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	7.0	5.3	Đạt	
675	28206205210	Đinh Thị Hạ Vy	6/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	4.7	3.5	Không Đạt	
676	28206541123	Lê Thị Vy	2/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT2	7.0	5.0	Đạt	
677	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	10/19/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	4.0	5.3	Không Đạt	
678	27207124833	Nguyễn Lê Tường Vy	9/28/2003	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	31TBN1	5.7	5.0	Đạt	
679	29204863992	Nguyễn Thị Phương Vy	7/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	9.3	6.6	Đạt	
680	27207235060	Nguyễn Thị Tường Vy	7/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC1	6.0	7.5	Đạt	
681	28208006601	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/9/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC2	9.3	5.0	Đạt	
682	27205101772	Phạm Thị Tường Vy	4/9/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CYC7	7.7	5.0	Đạt	
683	27202100811	Phan Ngọc Tường Vy	5/8/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30SSC1	-	V	Vắng thi	
684	30204557512	Trần Thị Thảo Vy	7/7/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	9.7	8.3	Đạt	
685	27211539685	Lê Hùng Vy	4/13/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CHT8	10.0	8.5	Đạt	
686	29206242548	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	9.3	6.8	Đạt	
687	29206759422	Huỳnh Thị Ý Ý	9/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	8.0	8.5	Đạt	
688	28206833883	Mai Như Ý	12/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	6.0	5.5	Đạt	
689	27205337717	Nguyễn Thị Nhật Ý	2/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC8	8.7	9.5	Đạt	
690	29208137682	Nguyễn Thị Như Ý	3/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	8.7	5.0	Đạt	
691	27205342342	Nguyễn Thị Như Ý	6/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	8.9	Đạt	
692	29204658562	Trần Lê Như Ý	1/20/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	6.8	Đạt	
693	29208138083	Bùi Thị Hải Yến	9/10/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	9.7	6.5	Đạt	
694	28204901936	Huỳnh Thị Thu Yến	8/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	H	H	Hoãn thi	Hoãn thi
695	29204659993	Phạm Thị Hải Yến	11/28/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	10.0	Đạt	







